TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HẢI HẬU** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2018/DS-ST
Ngày 07-11-2018
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU - TỈNH NAM ĐỊNH.

- Với tBnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lại Văn Tùng.

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ V Hùng;

Bà Trần Thị Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Xuyến – Thư ký Toà án nhân dân huyện Hải Hậu.

Ngày 07 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2018/TLST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2018/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Ngô Thị N, sinh năm 1966

Địa chỉ: Xóm 11, xã H, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

2. Bị đơn: Chị Phạm Thị M, sinh năm 1988

Địa chỉ: Xóm 12, xã A, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Phạm Thanh B, sinh năm 1961

Địa chỉ: Xóm 11, xã H, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- Anh Lã Văn V, sinh năm 1987

- Bà Đỗ Thị L, sinh năm 1958

Địa chỉ: Xóm 12, xã A, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- Anh Đinh Văn M, sinh năm 1999

Địa chỉ: Xóm 4, xã A, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

(Có mặt bà N, ông B, bà L, anh V vắng mặt chị M, anh M không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 12 năm 2017 và bản tự khai, Nguyên đơn bà Ngô Thị N trình bày:

Do có mối quan hệ anh em họ Bng với ông Phạm Thanh B nên bà N có cho chị Phạm Thị M vay tổng số tiền 790.000.000đ (bảy trăm chín mươi triệu đồng) hoàn toàn bằng tiền mặt, cho vay làm 3 lần: Lần một ngày 15-8-2015 bà N cho vay là 200.000.000đ chị M vay giúp cho chị gái đi nước ngoài, lần hai 15/9/2015 bà N cho vay 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) để cho anh Lã Văn V đi đóng tàu biển; lần 3 ngày 15/10/2015 bà N cho vay 290.000.000đ (Hai trăm chín mươi triệu) vay về để đáo hạn ngân Bng, thời hạn trả nợ hai bên thỏa thuận một đến hai tháng. Cả ba lần bà N đều giao tiền cho chị M nhận tại nB bà N, có ông Phạm Thanh B chứng kiến ngoài ra không có ai khác, cả ba lần giao nhận tiền không có anh Lã Văn V tham gia. Khi cho vay hai bên có thỏa thuận lãi suất miệng với nhau là 1%/1.000.000đ/1 tháng. Từng lần vay chị M đều viết giấy vay tiền, ký nhận và giao cho bà N giữ, sau ba lần vay hai bên đã thống nhất chốt nợ lấy ngày ở lần vay đầu 15/8/2015, khi chốt nợ chị M đã viết giấy vay tiền và giấy biên nhận giao cho bà N giữ, hai bên đã thống nhất hủy ba giấy vay nợ của các lần vay trước đi. Quá hạn chị M không thanh toán trả được nợ thì chị M có xin gia hạn thời hạn trả nợ trong một năm trả cả gốc và lãi. Từ khi vay cho đến nay chị M chưa thanh toán trả cho bà N được khoản nào, kể cả gốc và lãi. Ở lần vay thứ ba chị M có đưa một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên chị Lã Thị Phượng để thế chấp. Khoảng 5 đến 6 tháng sau chị M đã đưa thêm các giấy tờ sau: Bản sao giấy chứng minh nhân dân của chị M, Giấy chứng minh nhân dân của bà L; Căn cước công dân của anh M; Sổ hộ khẩu của anh M; Bản sao trích lục khai tử của chị Phượng; Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất; Văn bản phân chia tài sản thừa kế; Biên bản thẩm tra hồ sơ thực hiện quyền của người sử dụng đất, chị M nói không có tiền trả thì bà N lấy thổ đất này, bà N đã đồng ý nhận các giấy tờ của chị M đưa cho, bà N không làm việc với bà L, anh M, không nhận giấy tờ hoặc tham gia thỏa thuận ký kết văn bản giấy tờ gì với bà L, anh M. Sau đó do không có khả năng thanh toán trả nợ và gia đình nB chị M không đồng ý cho chị M ghép thổ đất của chị Lã Thị Phượng trả nợ cho bà N nên khoảng tháng 10 năm 2016 chị M bỏ nB nB đi, đến tháng 3 năm 2017 bà N làm đơn đề nghị Công an huyện Hải Hậu giải quyết thì chị M về đã khất nợ sau đó lại bỏ đi. Đến nay bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc chị M phải có trách nhiệm thanh toán trả nợ cho bà N số nợ gốc 790.000.000đ (bảy trăm chín mươi triệu đồng chẵn) và khoản tiền lãi suất từ ngày 15 tháng 8 năm 2015 lần vay đầu cho đến nay lãi suất tính theo mức lãi suất của ngân Bng, nếu chị M không có tiền trả cho bà N thì chị M, bà L và anh M phải chuyển quyền sử dụng thửa đất đang thế chấp cho bà N.

Bị đơn chị Phạm Thị M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đinh Văn M đã được Tòa án triệu tập nhiều lần đến làm việc và nhận các văn bản tố tụng nhưng chị M, anh M cố tình không đến làm việc, buộc cán bộ Tòa án kết hợp với chính quyền địa phương đến tận gia đình chị M để giao nhận các văn bản tố tụng, chị M đi làm vắng nB, gia đình chị đã từ chối không nhận các văn bản tố tụng thay cho chị với lý do gia đình không biết gì về việc vay nợ giữa chị M và bà N, gia đình không có liên quan gì, buộc cán bộ Tòa án phải niêm yết các văn bản tố tụng như thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc

giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật để chị M biết thực hiện quyền và nghĩa vụ của chị. Anh M đã được gia đình nhận thay các văn bản tố tụng. Hết thời hạn ghi trong thông báo nhưng chị M, anh M không có văn bản ghi ý kiến của mình để giao nộp cho Toà án, chị M và anh M cũng cố tình không đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không đến tham gia phiên tòa lần 1. Vì vậy chị M và anh M đã biết được quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn ông Phạm Thanh B trình bày: Qua sự việc vay nợ giữa chị M và bà N, ông B đều lắm được, cả ba lần cho vay bà N đều đi vay của người khác về cho chị M vay lại, ông B có hỏi bà N cho vay số tiền lớn có gì làm đảm bảo không thì bà N nói chị M có giấy tờ thế chấp đảm bảo thì bà N mới cho vay tiền, bà N đã đưa toàn bộ giấy tờ mà chị M đã thế chấp cho ông B xem, cả ba lần giao nhận tiền ông B đều chứng kiến. Chị M đã hứa hẹn nhiền lần không trả được nợ nên sau đó đã bỏ đi biệt tích không có tin tức địa chỉ gì, đến nay bà N khởi kiện chị M ông B nhất trí với ý kiến khởi kiện của bà N, đề nghị Tòa án buộc chị M phải có trách nhiệm thanh toán trả nợ cho bà N số nợ gốc 790.000.000đ (bảy trăm chín mươi triệu đồng chẵn) và khoản tiền lãi suất từ ngày 15 tháng 8 năm 2015 cho đến nay, mức lãi suất tính theo mức của ngân Bng, nếu chị M không có tiền trả cho bà N thì chị M, bà L và anh M phải chuyển quyền sử dụng thửa đất đang thế chấp cho bà N.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị L trình bày: Việc vay nợ giữa chị M với bà Ngô Thị N, bà L không biết gì, không có liên quan. Theo bà L toàn bộ các giấy tờ gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của chị Phượng; giấy chứng minh nhân dân của bà L, anh M, sổ hộ khẩu của chị Lã Thị Phượng (chị Phượng đã chết ngày 01/7/2014), gia đình bà L để trên quầy bàn học của anh M tại nB chị Phượng ở xóm 4, xã A. Khi chị M bị vỡ nợ khoảng tháng 7 hoặc tháng 8 năm 2016, chị M nói với bà L là có lấy các giấy tờ nói trên đưa đến nB bà N cắm vay số tiền là 790.000.000đ, khi chị M bỏ nB đi bà L có đến nB bà N đòi lại các giấy tờ nói trên nhưng bà N không nhất trí trả lại. Đến nay bà L không nhất trí với yêu cầu của khởi kiện của bà N, gia đình bà không có liên quan gì đến việc vay nợ của hai người, chỉ có chị M vay nợ của bà N thì hai người tự giải quyết với nhau.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lã Văn V trình bày: Anh không có liên quan đến việc vay nợ giữa bà N và chị M.

Tại phiên tòa hôm nay: Bà Ngô Thị N, ông Phạm Thanh B, bà Đỗ Thị L, anh Lã Văn V vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như đã trình bày. Ngoài ra bà N và ông B còn trình bày khi đã quá hạn trả nợ chị M không có tiền để thanh toán trả nợ cho bà N, chi M đã đi cùng chồng là anh V đến nB vợ chồng bà N và ông B để cùng khất nợ. Chị Phạm Thị M, anh Đinh Văn M vẫn vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Ngô Thị N khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu giải quyết về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Chị Phạm Thị M, anh Đinh Văn M đã được Tòa án triệu tập phiên tòa hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó Tòa án xét xử vắng mặt chị M, anh M theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Chị Phạm Thị M đã hợp đồng vay số tiền gốc là 790.000.000đ (bảy trăm chín mươi triệu đồng) của bà Ngô Thị N là có thật và phù hợp với pháp luật. Việc vay nợ giữa chị M và bà N được chứng minh bằng hai giấy vay tiền và giấy biên nhận do chị M viết, đến nay chị M vẫn chưa thanh toán trả cho bà N số tiền nói trên và không có ý kiến gì về việc bà N khởi kiện. Qua đó chứng tỏ chị M mặc nhiên thừa nhận là chị có vay nợ số tiền 790.000.000đ (bảy trăm chín mươi triệu đồng) của bà N chưa thanh toán. Đến nay chị M không có chứng cứ gì để chứng minh về việc chị đã thanh toán trả số tiền vay nợ nói trên cho bà N. Trong giấy biên nhận có ghi " Từ tháng 8 năm 2015 cho đến nay, chị M có vay của bà N chồng là B số tiền 790.000.000đ (bảy trăm chín mươi triệu đồng) chị M đồng ý giao một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lã Thị Phượng, sinh năm 1980; trú quán xóm 4, xã A, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định để đảm bảo cho khoản tiền vay trên. Vậy hai bên đã thỏa thuận khi nào bên vay, trả đầy đủ số tiền đã vay trên như đã thế chấp trên giấy tờ. Thì bên cho vay mới trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bên vay và tại giấy vay tiền có ghi thời hạn vay 1 năm, tài sản tín chấp để vay tiền gồm sổ đỏ, sổ hộ khẩu mang tên Lã Thị Phượng. Chị M cam kết trả đúng thời hạn, chị có trách nhiệm trả đủ số tiền vay và lãi. Quá thời hạn ghi trên nếu tài sản là giấy tờ tín chấp người cho vay được quyền đòi nợ, người vay phải chịu mọi chi phí tốn kém do việc đòi nợ gây ra", đối chiếu với quy định của Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 thì thấy chị M đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền. Từ những căn cứ nêu trên, đã có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, buộc chị M có trách nhiệm phải thanh toán trả cho bà N số tiền vay nợ gốc 790.000.000đ (bảy trăm chín mươi triệu đồng) là phù hợp với Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Anh V không cùng chị M vay nợ của bà N, bản thân bà N cũng xác nhận sự việc này nên anh V không phải có trách nhiệm thanh toán trả nợ cho bà N.

[3] Về lãi suất: Bà Ngô Thị N yêu cầu bị đơn trả lãi tính từ ngày hai bên chốt nợ 15/8/2015 cho đến khi Tòa án xét xử là ngày 07-11-2018 theo lãi suất ngân Bng NB nước. Xét thấy giấy vay tiền và giấy biên nhận do bà N cung cấp làm chứng cứ không có nội dung thỏa thuận lãi nên bà N yêu cầu tính lãi từ ngày 15/8/2015 là không có cơ sở. Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận tính lãi kể từ ngày phát sinh tranh chấp tháng 3 năm 2017 trên số nợ gốc đến thời điểm xét xử theo quy định tại khoản 4 Điều 466 cụ thể:

Từ tháng 3 năm 2017 đến tháng 11 năm 2018 là: 20 tháng x 790.000.000đ x 0,833% = 131.614.000đ.

Tổng số tiền gốc và lãi mà chị Phạm Thị M phải trả cho bà Ngô Thị N là 921.614.000đ (chín trăm hai mươi mốt triệu sáu trăm mười bốn nghìn đồng).

[4] Xét yêu cầu của bà N nếu chị M không có tiền trả cho bà N thì chị M, bà L và anh M phải chuyển quyền sử dụng thửa đất đang thế chấp đứng tên chị Lã Thị Phượng cho bà N là không có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ, chị M tự ý lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của chị Phượng đưa thế chấp cho bà N, bà L và anh M là những người thừa kế tài sản của chị Phượng không tham gia ký hợp đồng bảo lĩnh, bà N cũng xác nhận sự việc này. Các loại giấy tờ như Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất; Văn bản phân chia tài sản thừa kế; Biên bản thẩm tra hồ sơ thực hiện quyền của người sử dụng đất chưa có xác nhận của chính quyền địa phương và bà L cho rằng bà không tự nguyện ký vào các văn bản trên nên không có cơ sở buộc bà L và anh M làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất thửa đất đang thế chấp cho bà N.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của bà Ngô Thị N được chấp nhận nên cần buộc chị Phạm Thị M phải nộp án phí dân sự sơ thẩm. Cần hoàn trả lại số tiền nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho bà N là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463; 466; 468; 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị N kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với chị Phạm Thị M là hợp pháp.

2. Buộc chị Phạm Thị M phải có trách nhiệm thanh toán trả nợ cho bà Ngô Thị N số tiền vay gốc 790.000.000đ (bảy trăm chín mươi triệu đồng) và 131.614.000đ tiền lãi. Tổng cộng 921.614.000đ (chín trăm hai mươi mốt triệu sáu trăm mười bốn nghìn đồng).

3. Án phí: - Buộc chị Phạm Thị M phải nộp 39.648.000 (ba mươi chín triệu sáu trăm bốn mươi tám nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Ngô Thị N được hoàn trả lại số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 19.750.000đ (mười chín triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tại biên lai số 0000069 ngày 10-7-2018 của Chi cục thi Bnh án dân sự huyện Hải Hậu.

4. Nghĩa vụ thi Bnh án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi Bnh án có quyền chủ động thi Bnh án) hoặc kể từ ngày người được thi Bnh án có đơn yêu cầu thi Bnh án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi Bnh án cho đến khi thi Bnh xong tất cả các khoản tiền,

Bng tháng bên phải thi Bnh án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi Bnh án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi Bnh theo quy định tại Điều 2 Luật Thi Bnh án dân sự thì người được thi Bnh án dân sự, người phải thi Bnh án dân sự có quyền thoả thuận thi Bnh án, quyền yêu cầu thi Bnh án, tự nguyện thi Bnh án hoặc bị cưỡng chế thi Bnh án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi Bnh án dân sự; thời hiệu thi Bnh án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Bnh án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự: 6 bản;
- TAND tỉnh Nam Định: 1 bản;
- VKSND tỉnh + huyện: 2 bản;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu: 1 bản;
- UBND xã A: 1 bản;
- Hồ sơ vụ án: 1 bản;
- Lưu VP: 1 bản.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa

Lại Văn Tùng